

3. Thủ tục Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi

3.1. Trình tự, cách thức, thời gian giải quyết thủ tục hành chính

TT	Trình tự thực hiện	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết
Bước 1	Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:	Nộp trực tiếp qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.	- Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút; - Chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc.
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ thủ tục hành chính	<p>Đối với hồ sơ được nộp trực tiếp qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, công chức tiếp nhận hồ sơ xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của phần mềm một cửa điện tử của Tỉnh.</p> <p>a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, công chức tiếp nhận hồ sơ phải hướng dẫn cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;</p> <p>b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính;</p> <p>c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định công chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả; đồng thời, chuyển cho cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình.</p>	Chuyển ngay hồ sơ tiếp nhận trực tiếp trong ngày làm việc (không để quá 04 giờ làm việc) hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày.
Bước 3	Giải quyết thủ tục hành chính	<p>Sau khi nhận hồ sơ thủ tục hành chính từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả công chức tư pháp - hộ tịch xem xét, thẩm định hồ sơ, trình phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</p> <p>1. Tiếp nhận hồ sơ (Bộ phận TN&TKQ)</p> <p>2. Giải quyết hồ sơ, trong đó:</p> <p>+ Công chức tư pháp – hộ tịch</p> <p>+ Sở Tư pháp</p> <p>+ Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã</p> <p>+ Văn thư</p>	<p>30 ngày, trong đó:</p> <p>0,5 ngày</p> <p>29,5 ngày</p> <p>15 ngày</p> <p>10 ngày</p> <p>04 ngày</p> <p>0,5 ngày</p>
Bước 4	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính	<p>Công chức tiếp nhận và trả kết quả nhập vào sổ theo dõi hồ sơ và phần mềm điện tử thực hiện như sau:</p> <p>- Thông báo cho cá nhân biết trước qua tin nhắn, thư điện tử, điện thoại hoặc qua mạng xã hội được cấp có thẩm quyền cho phép đối với hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trước thời hạn quy định.</p> <p>- Cá nhân nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian, địa điểm ghi trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (xuất trình giấy hẹn trả kết quả). Công chức trả kết quả kiểm tra phiếu hẹn và yêu cầu người đến nhận kết quả ký nhận vào sổ và trao kết quả.</p>	- Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút; - Chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc.

3.2. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

Hồ sơ của người nhận con nuôi:

- Đơn xin nhận con nuôi;
- Bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;
- Phiếu lý lịch tư pháp;
- Văn bản xác nhận về việc người nhận con nuôi có đủ điều kiện nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật nước đó;
- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân;
- Giấy khám sức khỏe;
- 02 ảnh chụp toàn thân (Chụp mới nhất, cỡ 9cm x 12cm hoặc 10 cm x 15 cm).

Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:

- Giấy khai sinh;
- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;
- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;
- Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;
- Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.

Hồ sơ của người nhận con nuôi:

- Đơn xin nhận con nuôi;
- Bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;
- Phiếu lý lịch tư pháp;
- Văn bản xác nhận về việc người nhận con nuôi có đủ điều kiện nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật nước đó;
- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân;
- Giấy khám sức khỏe;
- 02 ảnh chụp toàn thân (Chụp mới nhất, cỡ 9cm x 12cm hoặc 10 cm x 15 cm).

Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:

- Giấy khai sinh;

- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;
- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;
- Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đôi với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;

- Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.

Lưu ý: Khi nộp hồ sơ, trường hợp phải chứng minh nơi thường trú của trẻ em được nhận làm con nuôi, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.

Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức trên thì có thể yêu cầu người nhận con nuôi nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú của trẻ em được nhận làm con nuôi, bao gồm: Thẻ căn cước công dân; Chứng minh nhân dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

b) Số lượng hồ sơ¹: 02 bộ đối với mỗi loại hồ sơ của người nhận con nuôi và hồ sơ của người được nhận làm con nuôi

3.3. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính²: Người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới của nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.

3.4. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính³:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em thường trú.

Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi người được nhận làm con nuôi thường trú.

Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp.

3.5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính⁴: Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước.

¹ Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

² Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

³ Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

⁴ Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

3.6. Phí, lệ phí: 4.500.000đ/trường hợp.

3.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai⁵: Đơn xin nhận con nuôi trong nước.

3.8. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Người xin nhận con nuôi có đủ các điều kiện như sau⁶:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên;
- Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi;
- Có tư cách đạo đức tốt;
- Đủ điều kiện theo quy định của pháp luật nước láng giềng.

Các trường hợp không được nhận con nuôi

- Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;
- Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;
- Đang chấp hành hình phạt tù;
- Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

Trẻ em được nhận làm con nuôi phải có đủ các điều kiện sau:

- + Là trẻ em dưới 16 tuổi; là trẻ em từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu thuộc trường hợp được cha dượng, mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi;
- + Một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.

3.9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính⁷:

- Điều 9 Luật Nuôi con nuôi năm 2010;
- Điều 21, 22 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi;

⁵ Mẫu đơn thay đổi theo Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.

⁶ Lưu ý trường hợp xin nhận con riêng, cháu ruột không áp dụng điều kiện về khoảng các độ tuổi và điều kiện kinh tế

⁷ Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

- Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi;

- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 2/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;

- Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;

- Điều 6 Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;

- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

3.10. Lưu hồ sơ (ISO):

Thành phần hồ sơ lưu	Bộ phận lưu trữ	Thời gian lưu
- Như mục 3.2; - Kết quả giải quyết TTHC hoặc Văn bản trả lời của đơn vị đối với hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, điều kiện. - Hồ sơ thẩm định (nếu có) - Văn bản trình cơ quan cấp trên (nếu có)	Công chức tư pháp – hộ tịch được giao xử lý hồ sơ	Từ 01 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của UBND cấp xã
Các biểu mẫu theo Khoản 1, Điều 9, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.	

***Ghi chú:** Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ; tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính theo Quyết định số 2687/QĐ-BTP ngày 09/11/2023 của Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh chân dung
của người nhận
con nuôi (Ông),
kích cỡ 4x6 cm

Ảnh chân dung
của người nhận
con nuôi (Bà),
kích cỡ 4x6 cm

ĐƠN XIN NHẬN CON NUÔI TRONG NƯỚC

Kính gửi:.....⁸

1. Phần khai về người nhận con nuôi

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân ⁹		
Nơi cư trú		
Điện thoại/Thu điện tử		

2. Phần khai về người được nhận làm con nuôi

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

Nơi sinh:

Nơi cư trú:

.....

Thuộc đối tượng¹⁰:

Hiện đang sống tại gia đình của Ông/Bà:

Họ, chữ đệm, tên:

Nơi cư trú:

.....

Điện thoại/Thu điện tử:

Hiện đang sống tại Cơ sở nuôi dưỡng:

Tên/địa chỉ cơ sở nuôi dưỡng:

.....

⁸ Trường hợp đăng ký việc nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã, thì ghi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp đăng ký việc nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, ghi Cơ quan đại diện Việt Nam nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi, ghi Sở Tư pháp nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp đề nghị xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi, ghi Sở Tư pháp nơi thường trú. Trường hợp đề nghị xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi, ghi Bộ Tư pháp.

⁹ Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

¹⁰ Ghi rõ đối tượng: trẻ em bị bỏ rơi/trẻ em mồ côi cả cha và mẹ/trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác/con riêng/cháu ruột.

3. Cam đoan

Chúng tôi/Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc nhận con nuôi là tự nguyện, nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của con nuôi. Chúng tôi/Tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Chúng tôi/Tôi cam kết trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi báo cáo về tình hình phát triển của con nuôi cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chúng tôi/tôi cư trú¹¹.

Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Làm tại, ngày..... tháng năm.....

ÔNG

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

BÀ

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

¹¹ Trường hợp người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi tạm trú ở nước ngoài, thì gửi Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 62 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020, người không thực hiện nghĩa vụ báo cáo tình hình phát triển của con nuôi trong nước sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.



GIẤY CHỨNG NHẬN NUÔI CON NUÔI TRONG NƯỚC

Họ, chữ đệm, tên cha nuôi:

.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân:

.....

Nơi cư trú:.....

.....

.....

Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi:

.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân:

.....

Nơi cư trú:.....

.....

.....

Họ, chữ đệm, tên con nuôi:**Giới tính:**.....

Ngày, tháng, năm sinh:**Quốc tịch:**.....

Số định danh cá nhân:.....

Nơi sinh:

Nơi cư trú:

.....

Cơ quan đăng ký việc nuôi con nuôi:.....

.....

Ngày, tháng, năm cấp:

Giấy chứng nhận này có hiệu lực từ ngày ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi.

Vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi

Số đăng ký.....

Quyển số.....

Ngày.....*tháng*.....*năm*.....

Người thực hiện
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

NGƯỜI KÝ GIẤY CHỨNG NHẬN

.....

PHẦN GHI CHÚ NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI, CẢI CHỈNH HỘ TỊCH SAU NÀY

STT	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Cơ sở ghi chú	Họ, chữ đệm, tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú